

TÍNH TRIẾT HỌC TRONG VƯỜN CẢNH Á ĐÔNG (QUA VƯỜN CẢNH HUẾ)

KT&S. HOÀNG THỊ HẢI QUẾ -
TS. TRẦN MINH ĐỨC

TÓM TẮT

Sức hấp dẫn về cảnh quan của vườn truyền thống, có một đỉnh cao là các vườn cảnh hoàng gia. Hiện nay, hầu như tại Cố đô Huế, các vườn hoàng gia bị biến dạng rất nhiều. Nguyên tắc phục hồi vườn, trước tiên cần đảm bảo giá trị triết lý: về vẻ đẹp, thuật phong thủy, thuyết âm dương, thuyết ngũ hành... Muốn vậy, phải quan tâm tới đặc điểm triết lý chung về vườn của Á Đông (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...) để phân tích, so sánh với điều kiện Việt Nam để đưa ra những nguyên tắc tái dựng các vườn hoàng gia tại Huế.

Từ khóa: vườn cảnh Á Đông; vườn Việt Nam; ý tượng; hình thái; khí; nước; âm dương; ngũ hành.

ABSTRACT

The attractiveness of traditional bonsai gardens has its peak at royal gardens. Today, most royal bonsai gardens have been distorted in Huế city. The principle of restoration of the gardens should ensure the philosophy of beauty, geomancy, Yin - Yang, Five Elements etc. So it is considered the common philosophy of gardens in East Asia countries such as China, Korea, Japan to analyse and compare with Vietnam's context to restore these royal gardens in Huế.

Key words: East Asian bonsai garden; Vietnam garden; concept; morphology; air; water; yin - yang; five elements.

1. Đặt vấn đề

Vườn cổ xưa thường gắn với ngôi nhà ở hoặc nơi làm việc của con người. Ngoài ra, còn có thể là những lâm viên rộng lớn của hoàng gia, của quan lại hay nhà giàu. Do đó, vườn cũng là nơi thể hiện tư tưởng của chủ nhân (về thẩm mỹ, về tiện nghi). Nói một cách khác, trong vườn có triết lý về cái đẹp phong cảnh và có chú ý về quy tắc ứng xử với thiên nhiên. Trong quá trình đi tìm phương pháp phục hồi những vườn truyền thống của Việt Nam, không thể không xác định ý nghĩa của vườn cổ về mặt triết lý của người Á Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng.

2. Triết lý về cái đẹp trong vườn cảnh Á Đông

Trước hết, vườn là nơi cần có phong cảnh đẹp. Triết lý về cảnh đẹp Á Đông có 2 nội dung về ý tượng và hình thái.

Ý tượng có khi là thần sắc chung của vườn, chuyển tải ý nghĩa qua khí sắc, như "núi sáng, nước đẹp", có khi là khí thế trong hình tượng của cảnh quan, như cảm giác đọc bài thơ của Úc Trai tiên sinh khi qua bến Thần Phù¹:

"Thần Phù qua đó lúc đêm khuya,
Gió mát trăng thanh cảnh tuyệt kỳ.
Măng ngọc nghìn đầu non dựng đứng,
Rắn xanh một dải nước quanh đi.
Giang sơn như cũ đầu hào kiệt,
Trời đất vô tình lắm biến di.
Hồ Việt mừng nay về một cõi,
Biển khơi tắm ngọc bật im lì..."

Qua cảnh gió mát trăng thanh và núi cao nước uốn mà liên tưởng được thời hào hùng chống Minh phục quốc vừa mới qua (ý cảnh), thì chính là vẻ đẹp ý tượng của cảnh quan đã sinh ra lời thơ vàng ngọc cho cụ Úc Trai - Danh nhân văn hóa lớn của dân tộc. Núi cao, nước uốn trong bài thơ cũng là một phần tất yếu trong hình thái phong cảnh.

Trong vườn cảnh thì không gì gây cảm hứng, "tức cảnh sinh tình" bằng non bộ. Tự xưa đã có nhiều bài văn, lời thơ ca ngợi cảnh thiên nhiên thông qua "giả sơn" - non bộ²:

"Suối xanh khói ba thu,
Sóng sông ngân vạn kiếp.
Mài giữa thành ngọc biếc,

Mây xanh tạo sắc hình.
Cuồng phong qua huyết núi,
Rêu phong phủ cửa hang.
Ba đỉnh tuy hình nhỏ,
Nhưng chỉ thua Hoa Sơn".
(Bài thơ "Vịnh núi giả" của Bạch Cư Dị).

Hay:

"Nhỏ nhoi bốn cảnh trước lan can,
Lão thiền thanh hứng tựa suối rừng.
Khí bùng sóng nước đầy Bọt Hải,
Thế bức núi non đá Không Đồng.
Giống như khói rắng từ đất trống,
Nhật nguyệt phân rõ ở hồ thiên.
Người dừng ngạc nhiên vì vẻ hẹp,
Vốn từng phóng khoáng tự thâm niên".

(Bài "Vi Bình Giang Uẩn Thượng Nhân phú ta từ cảnh" - Phú về cây cảnh nhỏ của Bình Giang Uẩn Thượng Nhân - Đinh Hạc Niên - đời Nguyên).

Vẻ đẹp hình thái theo người Trung Quốc xưa được khái quát trong tám hình thức (8 chữ): hùng, kỳ, hiểm, tú, u, áo, khúc, khoáng.

Hùng là thế mạnh mẽ như núi cao vươn thẳng, cây lớn trùng trùng, sông dài như dải lụa sáng, cảnh bốn phía mênh mông..., tạo được cảm giác áp đảo con người từ phía thiên nhiên, cũng tạo cho con người tâm trạng sáng khoái khi lên tới tầm cao;

Kỳ là hình tượng lạ khác thường, kiểu núi nằm như rỗng cuộn, nước réo như ngựa hí, cỏ thụ rêu phong cổ quái, cỏ hoa thơm..., khiến ta lạ lẫm như lạc vào tiên cảnh hay rừng nguyên sơ;

Hiểm là sự cheo leo của cội cây trên sườn núi dốc đứng, choáng váng khi bước chân ở mép vực thăm sâu, là thế chông chênh tưởng như sụp đổ đến ngay của núi..., cảm nhận bất an nảy sinh trong lòng người;

Tú là vẻ đẹp thanh thoát như ở chốn thần tiên, có được nhờ sự hài hòa của nắng, gió, nước, cây xanh, cỏ tươi, hoa thơm và không khí trong lành, con người sẽ lâng lâng như vào chốn Đào Nguyên, mãi vui quên về;

U là tối - những mảng tối cần thiết để nhấn mạnh vùng sáng và cũng để tạo ra sự cân bằng âm dương trong tổng thể..., có thể là dải đất giữa hai dãy núi, là vùng cây cối rậm rạp. "U cảnh" luôn là chỗ kín đáo, yên lặng cho việc thư giãn, tĩnh tâm;

Áo cũng là tối, nhưng tối sâu hơn, kín hơn, lặng im hơn và do đó có vẻ "thần bí" hơn. Trong vườn cảnh đôi khi là những gian tối trong hang sâu, những đoạn hầm ít ánh sáng, hoặc cực tối để rồi

bùng sáng khi bước ra ngoài - một thủ pháp tạo cảnh của vườn cổ;

Khúc là quanh co, như "khúc kiều, khúc lang"; đường bộ quanh co sẽ mở ra cảnh mới bất ngờ, "khúc kính thâm u" đến vẻ đẹp của "u cảnh"; đường nước quanh co để dẫn dắt "khí" qua vườn. Quanh co cũng để tạo cảm giác rộng hơn, dài hơn trong khuôn viên nhỏ;

Khoáng là thoáng đãng, khi lên cao có thể trải tầm mắt ra mênh mông, khi ở dưới vẫn có cảm nhận sự rộng rãi của thảm cỏ, khí trong nước sạch, không có cảm giác ngột ngạt của nắng sa mạc, không thiếu vắng gió mát, đêm về tràn ngập ánh trăng...

Vẻ đẹp hình thái luôn làm nảy sinh vẻ đẹp ý tượng, cho dù không phải viên lâm nào cũng có đủ các yếu tố trên; chỉ có vườn hoàng gia mới có điều kiện hội tụ tất cả. Hãy xem viên lâm của Hán Vũ đế ở Trường An: "Vườn Thượng Lâm của thiên tử, bên tả Thương Ngô mà bên hữu Tây cực, Đan thủy ở phía Nam của nó, Tử uyên (ngòi tía) trải phía Bắc, đầu cuối có sông Bá, sông Sản, ra vào sông Kinh, sông Vị. Nước chứa lênh láng, đi như rấn lượn, mở mang ở trong đó, mênh mang nhánh của tám sông, dựa lưng vào núi cao chót vót, nhiều vẻ lạ..., rừng sâu cây lớn, đầy núi vượt qua khe..., nhà nhiều lớp, gác quanh quất, cột vách hoa lệ" (Thượng Lâm Phú)². Vẻ đẹp của vườn Tư nông Vương Luân ở Lạc Dương: "... Luân tạo cảnh Dương sơn giống như cảnh thiên nhiên, trong đó, núi non trùng điệp, khe sâu, hang động vòng vèo liên tiếp, rừng cao cây lớn, đủ để che lấp mặt trời, mặt trăng; dây leo buông rủ, có thể khiến gió sương ra vào. Đường đá gập ghềnh, tựa như tắc mà lại thông, đường suối chênh vênh, lượn quanh rồi lại thẳng, là nơi mà kẻ sĩ thích sơn tình dã hứng mãi chơi quên về" (Lạc Dương giả lam ký)³. Ta thấy có đủ hình thức và ý cảnh, ngoài ra còn biết viên lâm hoặc dựa vào thiên nhiên để bồi bổ thêm, hoặc do người kiến tạo nhưng giống như tự nhiên có. Từ đây cũng thấy sự khác biệt cơ bản giữa vườn Á Đông - có xu hướng hòa hợp thiên nhiên và vườn châu Âu - thể hiện ý chí của con người cải tạo thiên nhiên thông qua những mảng cỏ vuông vức, lối đi thẳng hàng, hoa cỏ được xén tỉa tạo hình công phu..., với những công trình nổi bật tính nhân tạo: đài phun nước, tượng trang trí, lối đi rải sỏi màu... Có lẽ tư tưởng Lão học: thiên nhân hợp nhất, vạn vật theo tự nhiên được thấm nhuần trong vườn truyền thống Á Đông.

Ở Việt Nam có thể cũng không có được quy mô và sự đầy đủ như viên lâm hoàng gia Trung Quốc. Tư liệu về vườn cổ rất hiếm: thời nhà Lý, các vua lập viên lâm - thượng uyển lớn ở Thái Đường (huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc cũ, nay là xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội) gọi là Hoa Lâm viên. Nay còn các địa danh Danh Lâm, Du Lâm gắn với Hoa Lâm. Các cụ già còn nhớ cánh rừng cũ Mai Lâm là dấu tích của Hoa Lâm; rừng cũ rậm rạp, có nhiều cây, nhất là sung. Sau 1957, do lấy đất hàn đê vỡ, nên rừng bị chặt hạ hết. Sách *Lĩnh Nam dật sử* của Ma Văn Cao viết bằng chữ Mường, được Trần Nhật Duật (Chiêu Văn vương nhà Trần) dịch ra tiếng Hán có đoạn: "... Tiến vào trong vườn, thấy một vườn hoa đắp dựa theo núi; dưới núi có một tòa lầu nho nhỏ, xung quanh trồng toàn cây có hoa, bên tả là một hòn non bộ thiên nhiên, lóng lánh như ngọc. Dưới hòn non bộ có suối chảy vào thành ao, nước trong suốt như gương. Cạnh hòn non bộ có một lối đi nho nhỏ quanh co, hai bên trồng trúc đào...". Ngày nay, cảnh tượng vườn cổ không còn thấy, hầu như chỉ còn lại ở một vài vườn hoàng gia của triều Nguyễn. Do quy mô nhỏ, yếu về nhân tài vật lực nên vườn hoàng gia triều Nguyễn có thể không đầy đủ các yếu tố tạo cảnh, song, đây đó còn sót lại cho thấy những hình ảnh tương đồng với vườn Trung Quốc: Trong vườn Cơ Hạ có động Phước Duyên, với cây cảnh, đá cảnh bao quanh, có lối vào ra quanh quất, có các ô cửa nhỏ để thông thoáng..., hội tụ những yếu tố "u, áo, khúc"; nước dòng Kim Thủy chảy xuyên dưới động tạo nên vẻ đẹp của chữ "hiếm", chữ "kỳ"... Bài thơ "Dấu thơm tiên động" do vua Thiệu Trị khắc trên bia đá tại đây nêu bật vẻ đẹp thần tiên này: "Đá chống lờm chờm - Núi dựng chênh vênh - Cây bóng tròn xoe - Cỏ hương thơm ngát - Thế cheo leo mà vách dựng đứng - Hữu tình có sông, có núi... Động phủ lung linh, ẩn hiện núi non chót vót - Dưới ngọn cao ngất, thẳng thuyền xẻ sóng đầu ghềnh"⁴.

3. Các triết lý Á Đông vận dụng trong thiết kế vườn cảnh truyền thống

Trước hết là phong thủy - một hệ thống lý luận bao gồm cả các yếu tố âm dương, ngũ hành, Lão học, Chu Dịch..., vừa khoa học, vừa huyền học nhưng đã trở thành nền tảng của kiến trúc cổ, trong đó có vườn. Mô hình phong thủy lý tưởng: tả Thanh long, hữu Bạch hổ, tiền Chu tước, hậu Huyền vũ chi phối bố cục không gian, chiều cao, bề sâu, vị trí của vườn và các thành phần: núi, nước, cỏ cây... Vườn hoàng gia triều Nguyễn không nhiều, nhưng cũng

nên kể cả không gian trên các lăng vua, vì tại đây, thiên nhiên được con người lựa chọn và bồi đắp để tạo cảnh "thần tiên", nơi an nghỉ của thiên tử (theo quan điểm truyền thống dương sao âm vậy, sống gửi thác về...), nên không gian ấy cần được coi là những vườn - lăng, mà không nên hiểu đơn thuần chỉ là nơi chôn cất. Ngoài ra, phải kể đến các khuôn viên rộng trong những cung điện lớn, như Trường Sanh, Diên Thọ... Tại những nơi đó cũng thấy rõ tinh thần của thuật phong thủy và các triết lý cổ khác.

Các thành phần và nguyên tắc chính của thuyết phong thủy được sử dụng trong vườn cổ bao gồm: khí, nước, âm dương song hành, ngũ hành, bát quái.

3.1. Khí

Cốt lõi của phong thủy là điều vận khí, tức là làm khí lưu thông trong khuôn viên, không được để góc tù đọng; mà khí phải là "sinh khí", nếu có "tàng phong, tụ khí" thì phải là nơi đẹp để thanh tịnh. Đó là lý do vì sao tại những góc kín phải mở lối đi cho "khí", tường kín nhưng lại hở, như "... dây leo buông rủ, có thể khiến gió sương ra vào...". Thuật hành khí này thấy rõ trong tạo cảnh tại lăng vua Tự Đức: Lối chính mở ra ở phía Nam, qua cổng Vụ Khiêm, theo con đường lát gạch ôm bờ tả dòng nước vốn xuất phát từ thủy khẩu phía Tây Bắc, chảy vòng đưa ta lần qua nhiều "khúc" cảnh trong vườn. Trước tiên, đường dẫn tới trước khu tắm, mở ra phong cảnh "khoáng đạt" mênh mông, bởi hồ Lưu Khiêm rộng trải ra trước mặt, hai khoảng sân châu thoáng tiếp sau. Qua khỏi khu tắm, đường đi đột ngột ngoặt lên Bắc, uốn lượn quanh co hình chữ S, hai bên đường nước và núi áp sát, dẫn đến khu lăng nằm kín đáo giữa rừng thông. Tới đây, đường hướng lên thủy khẩu và dừng lại bên suối, trước mặt là la thành, hai bên núi kể. Tại góc cuối vườn này, đường tường tắc thì cầu đá bắc ngang suối dẫn lối tiếp tục sang bờ hữu, nối với các con đường len lỏi giữa đồi thông phía Đông, dẫn vòng lại cổng Vụ Khiêm, nơi xuất phát ban đầu. Sự kết nối của đường đi như vậy dẫn khí lưu thông không bao giờ đứt mạch, còn giúp tạo ra phong cảnh phù hợp cho dương phần (khu tắm) cần "khoáng" và âm phần (khu lăng) cần "u tịch". Lối đi trong vườn lăng Tự Đức chỉ rộng ba hàng gạch Bát Tràng, tạo hình có thẳng, có quanh co, uốn lượn, bởi lối mở không được quá lớn, đường khí đi không được rộng, không được thẳng, nếu không gió sẽ mang khí ào đi, tản mát

vào khoảng không trống trải. Đó là lý do có “khúc lang, khúc kiều” và những lối đi quanh co để “bộ di cảnh dị” để “lạc lối quên về”.

3.2. Nước (thủy)

Trong vườn không thể không có nước (trừ vườn Thiền khô của Nhật Bản). “Hành thủy như hành khí”. Theo phong thủy: “Khí là mẹ của nước, nước là con của khí. Khí chuyển động, nước chuyển động theo; nước dừng, khí cũng dừng, mẹ con cùng cảnh, khí nước theo nhau... Nước chảy đi khiến khí mạch phân chia, nước chảy vòng quanh tất khí mạch ngưng tụ” (*Thủy long kinh*); “Nước sông quanh co là nơi long khí” (*Dương trạch toát yếu*)... Như vậy là nước phải quanh co: “Đường cần vòng quanh, nước cần quán quýt” (*Luận dương trạch*). “Phàm nước đến cần huyền, đi cần khuất khúc, ngang cần vòng ôm, nghịch cần ngăn chặn” (*Thủy pháp phương pháp biện*); “... Tự nhiên thủy pháp nên nhớ kỹ, phải khuất khúc mới có tình ý. Đến không nên xô ào, đi không thẳng, ngang không muốn lộn lại, nghiêng không dứt mạch. Đến thì huyền, đi khuất khúc. Trong vắt mà tồn động là tốt nhất” (*Thủy long kinh*). Âm phần cũng vậy: “Nước gần huyết cần đan dệt, đến trước huyết nên chảy vòng quanh” (*Luân thủy*). Trong đó tối kỵ “trực khứ vô thu” (đi thẳng không quay trở lại)⁵.

Trong tạo hình thủy ở vườn lăng, hay cung uyển triều Nguyễn, nước luôn được dẫn vòng vèo, uốn lượn, đến trước trực chính luôn ôm vòng tựa đường cong vắng trăng. Điển hình là tại lăng Minh mạng, toàn bộ các điện chính nằm trên thần đạo xuyên giữa hồ Trùng Minh và ao Tân Nguyệt. Nước thu từ hồ Tân Nguyệt (có hình dáng tựa vắng trăng khuyết trước lăng vua) được dẫn qua cầu gạch nằm phía Tây hồ để thông đến phía hữu của hồ Trùng Minh. Nước bên hữu hồ Trùng Minh thông với bên tả bằng các vòm gạch dưới cầu Trung đạo, rồi được tiêu thoát qua thủy khẩu nhỏ góc Đông Nam. Cách hành thủy như vậy đã đưa nước uốn lượn từ Tây Bắc đến Đông Nam, từ hữu chuyển tả, tạo được “huyền” cho yếu tố thủy, nước ôm vòng quán quýt có tình. Cùng đó, hai bên bờ hồ tạo hình nhiều đường cong uốn lượn, lúc vươn ra, lúc thu lại khiến cảnh hồ mềm mại, nhẹ nhàng như thiên tạo.

Ở lăng Tự Đức, nước dẫn từ Tây Bắc qua khu lăng, đến tụ tại hồ Lưu Khiêm trước khu tắm lại chảy ngược lên phía Tây Bắc, bọc qua trước vòng khu lăng lẫn nữa như chẳng muốn rời đi. Cách hành thủy quả đúng với câu: “Điều đáng quý nhất là nước

chảy chữ Chi, chữ Huyền, quanh co khuất khúc,...”, “... Tự nhiên thủy pháp nên nhớ kỹ, phải khuất khúc mới có tình ý”⁶.

Quan trọng trong hành thủy là nơi cửa nước (thủy khẩu), nước vào hay nước ra xô thẳng ào ạt đều không tốt. Để ngăn dòng chảy dữ, cần có “thủy khẩu sa” - núi ở cửa nước; hình cục “sa” phải “răng giao nhau, cửa khóa lại” để nước vòng vèo nhiều lần trước khi chảy đi. Tại cung Trường Sanh - Đại nội Huế, bố cục thủy có dạng “Kim thành Thủy”, nước bao bọc bốn phía quanh cụm kiến trúc chính. Từ hồ Nội Kim Thủy, phía Bắc hoàng thành qua thủy khẩu phía góc Tây Bắc của vườn được dẫn nhập vào khuôn viên theo cửa nước vào cửa lạch Đào Nguyên hẹp, từ hướng Tây bọc vòng sang Đông rồi đi ra qua thủy khẩu. Tại các thủy khẩu, hai bên bờ nước xuất hiện la liệt các khối đá kỳ quái, đủ mọi kích cỡ, sắc nhọn, lờm chờm như “răng chó, măng nhọn” để nước đến không xô ào, không nhảy vọt. Cảnh tượng bày ra vừa cho cảm giác “hiểm”, vừa tạo sự ngạc nhiên, thích thú khi ngắm nhìn dáng vẻ kỳ lạ của mỗi viên đá trong vườn. Trong vườn Cơ Hạ, nơi nước sông Tái Vũ chảy vào hiện còn dấu tích các “sa” bằng đá bên bờ; có lẽ, trước kia dọc bờ các thủy khẩu ở đây có khá nhiều tảng đá đóng vai trò dẫn nước như vậy. Phần lớn hoa viên triều Nguyễn đều có thủy khẩu phía Tây Bắc, như: vườn Cơ Hạ, cung Trường Sanh, vườn Thiệu Phương, lăng Tự Đức..., bởi quan niệm hướng này thuộc hành kim, vượng về tiền bạc, do đó có mạch nước đến từ đó sẽ đem đến của cải, giàu có.

3.3. Âm dương song hành

Trong thuyết phong thủy, các yếu tố âm dương phải cân bằng. Trong thuyết âm dương nổi bật hai quy luật: Thứ nhất, trong âm có dương và trong dương có âm; thứ hai: quá âm sinh dương và quá dương sinh âm. Đó là quy luật tự nhiên, đã thành nguyên lý của phong thủy, nếu tuân theo thì “hợp mệnh trời”; kiến trúc, trong đó có vườn, cũng không ngoại lệ. Nếu coi nước là âm thì phải có núi là dương (một mềm một cứng, một sâu một cao, một động một tĩnh). Trong vườn, sơn (núi) và thủy (nước) vì thế không rời nhau; không chỉ vì tạo cảnh “sơn thủy hữu tình” mà còn vì: “núi đẹp châu về nước, là nhà đại cát” (*Dương trạch toát yếu*). Cũng còn vì núi hay nước đều là “long mạch”, phép phong thủy “Đắc thủy là tốt nhất, sau đó đến tàng thủy..., thủy không rời sơn, sơn không rời thủy... Đồng bằng lấy thủy làm long, nước tụ lại như sơn



Toàn cảnh lăng Tự Đức (Huế) - Ảnh: Tác giả

mạch dừng, nước chảy như sơn mạch chuyển động... (*Thủy long kinh*). Như vậy, âm không triệt dương mà âm dương gắn kết. Nước quanh co, núi cũng khuất khúc, vì sự khuất khúc mà núi không chỉ làm nên vẻ hùng, hiểm mà còn tạo ra u, khúc trong vườn; không có núi chặn thì phong không ẩn, khí không tụ (nước không dừng). Như vậy, âm dương đối kháng mà hợp nhất trong vườn cỏ; trên núi có nước chảy, trong nước có hình núi - vậy là trong âm có dương và trong dương có âm. Quy luật nội sinh: quá âm sinh dương, quá dương sinh âm dễ thấy ở cảnh vườn Trương Luân: “Đường đá gập ghềnh tựa như tắc mà lại thông, đường suối chênh vênh lượn quanh rồi lại thẳng”. Các mảng tối - sáng, đặc - rỗng... đan xen không chỉ tôn tạo thẩm mỹ cho nhau mà còn tạo sự cân bằng cần thiết cho không gian vườn.

Cung Trường Sanh, vốn trước đây là một hoa viên có tên là cung Trường Ninh, nơi vua Nguyễn đến thưởng ngoạn và ngắm cảnh, nằm ở góc Tây Bắc kinh thành, tọa hướng Đông. Trước năm 1923, trong các bản đồ triều Nguyễn và mô tả của sử liệu cho thấy, hệ thống kiến trúc tại đây có dạng chữ Vương (王), lạch nước vòng quanh gọi là Đào Nguyên, bên tả núi Kê Quan, bên Tây núi Bảo Sơn có đá kinh ngư, bên hữu là núi Hồ Tôn, núi bao bọc ôm

vòng cung phía sau và phía tả hữu, tạo thế "tàng phong", trước có lạch nước Đào Nguyên ôm vòng phía trước làm minh đường "tụ thủy". Sau năm 1923, vua Khải Định cho cải tạo lại nhiều yếu tố trong vườn, thay đổi lớn nhất là mở rộng lạch nước phía Đông thành, giữa hồ Tân Nguyệt đắp non bộ lớn có cầu bắc đến. Với bố cục uốn quanh hữu tình, sơn khởi lên ôm vòng kín, lúc áp sát mặt nước, lúc hùng vĩ bên bờ, khi nổi giữa minh đường tĩnh lặng đã tạo ra cảnh sơn thủy hòa hợp mà thay đổi trong vườn. Trong vườn Cơ Hạ, đến nay còn thấy có cái tĩnh của giả sơn, cái động của dòng Tái Vũ, có thâm u của hang Phước Duyên, có khoảng không gian thoáng đãng, bừng sáng chung của vườn... Đó đều là âm dương song hành theo triết học cổ.

3.4. Ngũ hành, bát quái

Cổ nhân (và cả người nay) vẫn dùng quy luật ngũ hành tương sinh, tương khắc để giảm hung giữ an. Thông dụng nhất là dùng các thành tố của vườn có các thuộc tính ngũ hành khác nhau bố trí theo tương sinh hay tương khắc. Lý thuyết này còn đang được phát huy trong những kiến trúc đương đại và đô thị.

Một nét đặc sắc của bình phong triều Nguyễn là tiểu hình kiến trúc bình phong - non bộ (bản thân non bộ chắn trước lối vào cũng chính là "bình phong"), được dùng để điều chỉnh "khí" theo ngũ

hành. Bình phong là triều án, xây gạch, mạnh về hành thổ nên dùng để củng cố cho căn nhà (hành thổ), đồng thời vừa che chắn tà khí bảo vệ gia chủ (hành kim). Non bộ là nghệ thuật tạo cảnh có sự kết hợp giữa đá (thạch) và nước (thủy) nhằm bớt hỏa khí. Bên cạnh đó, đá trong quan niệm phong thủy có khả năng thu "khí", đặt ở hướng tốt thì thu được nhiều "sinh khí", gặp nước thì "thủy tụ". Những bình phong như vậy còn dấu tích rất nhiều: cung Diên Thọ, điện Càn Thành... Hiện nay, Khiêm Cung ở lăng Tự Đức, vẫn còn lưu giữ dấu tích của hệ bình phong, non bộ mang ý nghĩa ngũ hành. Tiêu biểu là tiểu cảnh bình phong - bể nước non bộ nằm cuối sân sau điện Lương Khiêm - hầu như chưa có sự tu sửa nào. Đây là non bộ hướng Tây, thuộc hành kim, kim sinh thủy, giúp tăng sự giàu có, tài lộc, non bộ cũng là tiểu cảnh sơn thủy. Bức bình phong đắp vữa, với đề tài tứ linh, hàm ý nghĩa vũ trụ giao hòa càng tăng thêm phần may mắn, thịnh vượng. Phía Bắc nhà hát Minh Khiêm vẫn còn dấu tích khu vườn nhỏ, bình phong đặt cuối tường trang trí ghép mảnh sứ "long mã thượng Hà đồ", đi kèm non bộ chính giữa. Tiểu cảnh này nằm ở hướng Bắc, hành thủy, có thêm yếu tố thổ của non bộ - thổ sinh kim, tương xứng với trang trí bình phong mạnh về kim, giúp tăng vượng khí. Rất tiếc, hiện nay bể không còn dấu vết của non bộ.

Không còn nhiều dấu tích về cây trồng trong vườn cảnh triều Nguyễn do quá trình dài không được chăm sóc. Tuy nhiên, tại dương trạch, âm trạch, cây trồng thường có sự khác biệt nhất định. Như vườn - lăng Tự Đức, phía tấm điện cây xanh chủ yếu là cây ăn quả, như: vải, mít,..., phía Đảo Tịnh Khiêm cũng là vườn hoa với nhiều màu sắc. Những cây trồng về phía Nam phần nhiều là cây có hoa và kết trái phù hợp hành hỏa. Phía Bắc lăng trồng thông mạnh về mộc, vừa mang ý nghĩa trường thọ, phù hợp với thủy hướng, đồng thời che chắn tốt gió lạnh (cung khảm).

4. Kết luận

Vườn cảnh Á Đông có quá trình phát triển lâu dài và đã hình thành một hệ thống nguyên tắc nhất định trong kiến tạo cảnh quan. Cơ sở triết học để hình thành nguyên tắc này chính là hệ tư tưởng Lão giáo, Nho giáo, Dịch học,..., đặc biệt là thuyết phong thủy mà ngày nay được nhìn nhận là môn khoa học cổ về lựa chọn đất đai, xây dựng môi trường sống của con người. Trong thiết kế vườn cổ, cần đáp ứng các nguyên tắc cơ bản về hành khí,

hành thủy, âm dương giao hòa, điều chỉnh theo ngũ hành, bát quái. Tuy nhiên, không thể bỏ qua các triết lý về cái đẹp trong tạo cảnh ở hai khía cạnh hình thái và ý tượng đã làm nên giá trị nghệ thuật và văn hóa, tạo nên nét riêng đa dạng trong thiết kế.

So với vườn cổ Trung Quốc, vườn cung đình triều Nguyễn có quy mô khiêm tốn hơn, song giá trị, nhất là giá trị triết lý không hề nhỏ bé. Việc phục hồi các vườn cung đình truyền thống không thể không bảo lưu giá trị triết lý truyền thống. Hơn nữa, trong bối cảnh vườn cổ Việt Nam không còn nhiều, những tư liệu bảo lưu giá trị triết lý về cái đẹp, nhân sinh quan, thế giới quan sẽ là trọng tâm bảo tồn một di sản văn hóa quý giá. Không chỉ là bảo tồn di tích, mà giá trị cảnh quan của vườn mang đậm màu sắc truyền thống sẽ góp phần tạo nên nét nổi bật của cuộc sống hôm nay, chính là bản sắc dân tộc trong đô thị và nông thôn hiện đại./.

H.T.H.Q. - T.M.Đ

Chú thích:

- 1- Vương Lộ Xương (2000), *Nghệ thuật chăm sóc và tạo dáng cây cảnh*, Nxb. Mỹ thuật, H.
- 2- Phạm Khải (2004), *Mỹ thuật trong kiến trúc xây dựng*, Nxb. Mỹ thuật, H.
- 3- Phan Thanh Hải, *Vườn cổ điển Trung Quốc - Một cái nhìn tổng quan*.
- 4- Vĩnh Cao - Phan Thanh Hải, "Về vườn Cơ Hạ và các tấm bia mới phát hiện", *Tạp chí Hán Nôm*, số 2(81), 2007, tr. 60 - 66.
- 5- Vương Ngọc Đức (chủ biên), Diêu Vĩ Quân (2011), *Bí ẩn về phong thủy*, Nxb. Thời đại, H.
- 6- Lương Trọng Nhân (2012), *Phong Thủy vườn cảnh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Vương Lộ Xương (2002), *Nghệ thuật chăm sóc và tạo dáng cây cảnh*, Nxb. Mỹ thuật, H.
 - 2- Phạm Khải (2004), *Mỹ thuật trong kiến trúc xây dựng*, Nxb. Mỹ thuật, H.
 - 3- Phan Thanh Hải, *Vườn cổ điển Trung Quốc - Một cái nhìn tổng quan*.
 - 4- Vĩnh Cao - Phan Thanh Hải, "Về vườn Cơ Hạ và các tấm bia mới phát hiện", *Tạp chí Hán Nôm*, số 2(81), 2007, tr. 60 - 66.
 - 5- Vương Ngọc Đức (chủ biên), Diêu Vĩ Quân (2011), *Bí ẩn về phong thủy*, Nxb. Thời đại, H.
 - 6- Cao Trung, *Địa lý gia truyền bí thư đại toàn*.
 - 7- Lý Đức Hùng (2009), *Phong thủy thực vật*, Nxb. Thời đại, H.
 - 8- Lương Trọng Nhân (2012), *Phong thủy vườn cảnh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
 - 9- Lương Trọng Nhân (2008), *Phong thủy hoa cảnh nội thất*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H.
 - 10- Antonia Beattie (Hải Nguyên dịch) (2011), *Thiết kế sân vườn theo phong thủy*, Nxb. Thời đại, Tp. Hồ Chí Minh.
 - 11- Lew Buller (nhóm Newlife dịch) (2013), *Hòn non bộ - Nghệ thuật kiến tạo phong thủy*, Nxb. Hồng Đức, H.
- (Ngày nhận bài: 08/10/2015; Ngày phản biện đánh giá: 13/10/2015; Ngày duyệt đăng bài: 06/11/2015).